

Số: KH1T-04/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(tháng 02/2026)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật từ tháng 01/2026

+ **Không khí lạnh (KKL):** Tháng 01/2026 đã xảy ra 04 đợt KKL (đêm 01/01, ngày 05/01, ngày 21/01 và ngày 31/01). Trong đó, hai đợt KKL ngày 05/01 và ngày 21/01 đã gây ra 02 đợt rét đậm, rét hại diện rộng (đợt 1: Từ ngày 06-10/01, đợt 2: Từ ngày 22-25/01/2026) tại các tỉnh Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nghệ An; riêng Lai Châu và Điện Biên trời rét, có nơi rét đậm, rét hại. Đáng lưu ý là đợt KKL ngày 21/01, nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 8,0-11,0⁰C, vùng núi từ 5,0-7,0⁰C, vùng núi cao có nơi dưới 3,0⁰C; cá biệt Mẫu Sơn (Lạng Sơn) nhiệt độ giảm xuống -0,1⁰C (22/01).

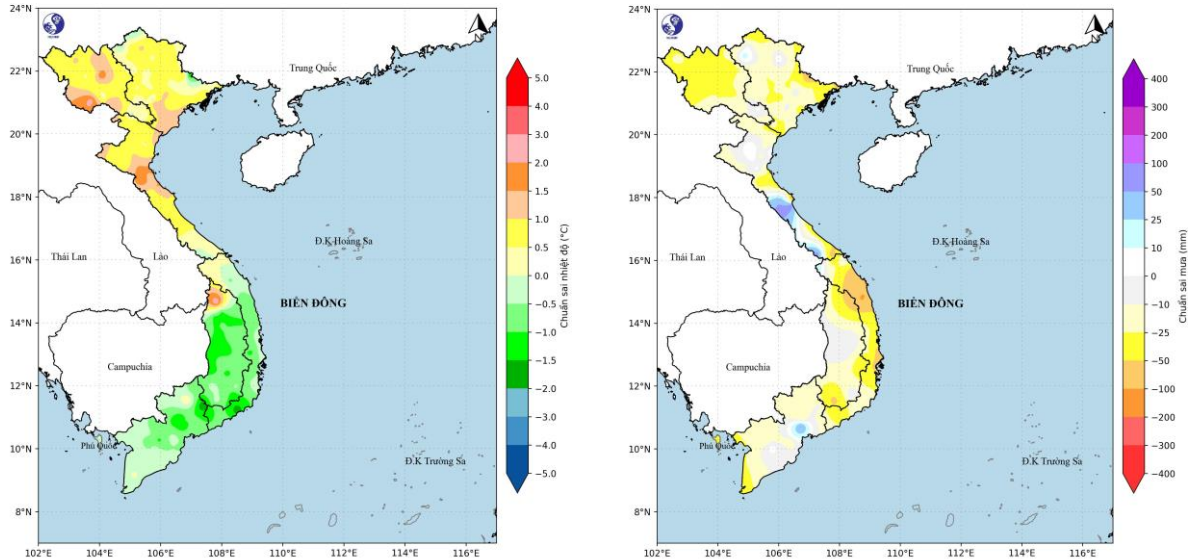
Trong tháng, tại một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối ngày đạt và vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng kỳ (*Bảng 2 - Phụ lục*).

+ **Mưa diện rộng:** Tháng 01/2026, tại khu vực Bắc Bộ xảy ra 03 đợt mưa (từ ngày 02-06/01, từ ngày 21-22/01 và từ ngày 24-25/01); khu vực các tỉnh từ Hà Tĩnh-Đà Nẵng và phía Đông các tỉnh từ Quảng Ngãi-Đắk Lắk, Khánh Hòa đã xảy ra 02 đợt mưa diện rộng từ ngày 02-06/01 và từ ngày 21-24/01, với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 15-30mm, có nơi cao hơn. Khu vực Nam Bộ xảy ra 01 đợt mưa trái mùa từ ngày 06-07/01 tại miền Tây Nam Bộ với lượng mưa không nhiều.

+ **Nhiệt độ trung bình (NĐTB):** Trong tháng 01/2026, trên phạm vi toàn quốc NĐTB phổ biến cao hơn so với TBNN từ 0,5-1,0⁰C, một số nơi ở khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Hà Tĩnh cao hơn từ 1,0-1,5⁰C, có nơi cao hơn (*Hình 1a*).

Trong tháng 01/2026 tại trạm Đắk Tô (Quảng Ngãi) đã ghi nhận được nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày là 33,7⁰C vào ngày 17/01/2026 và vượt GTLS cùng thời kỳ là 33,3⁰C vào năm tháng 01/1998.

+ **Lượng mưa:** Trong tháng 01/2026, các khu vực trên phạm vi cả nước TLM phổ biến ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN từ 10-30mm, một số nơi ở Duyên hải Nam Trung Bộ thấp hơn từ 30-60mm, có nơi thấp hơn như: Ba Tư (Quảng Ngãi) thấp hơn 105mm, Tam Kỳ (Đà Nẵng) thấp hơn 83mm so với TBNN; ngoại trừ tại Quảng Trị có TLM một số nơi cao hơn so với TBNN từ 40-50mm (Hình 1b).



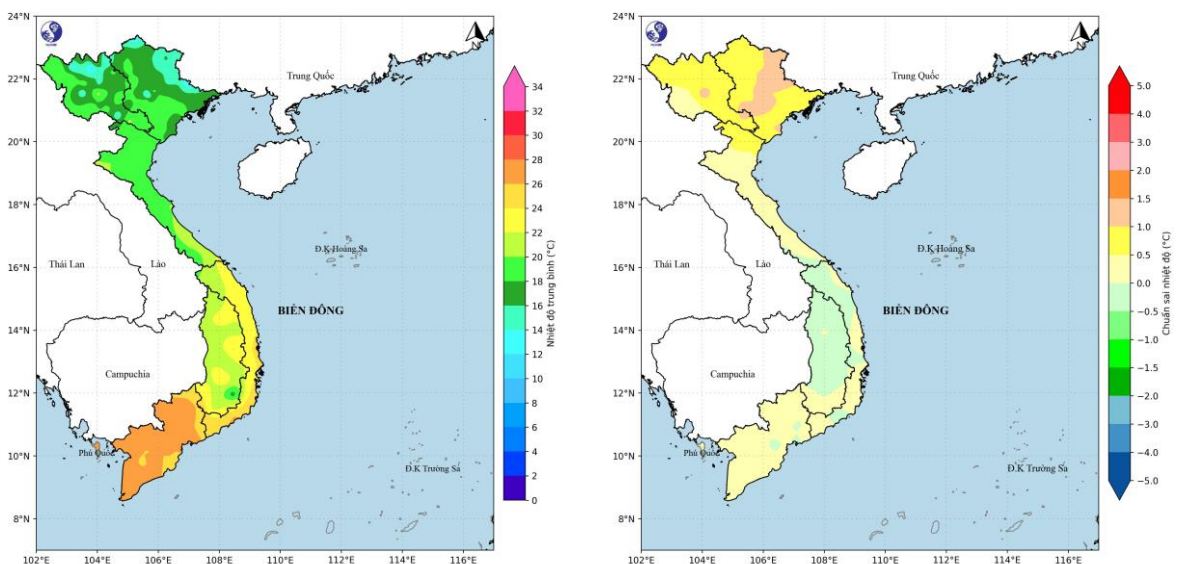
(a)

(b)

Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) và (b) Chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 01/2026

2. Dự báo xu thế khí hậu tháng 02/2026

2.1. Dự báo xu thế NĐTB



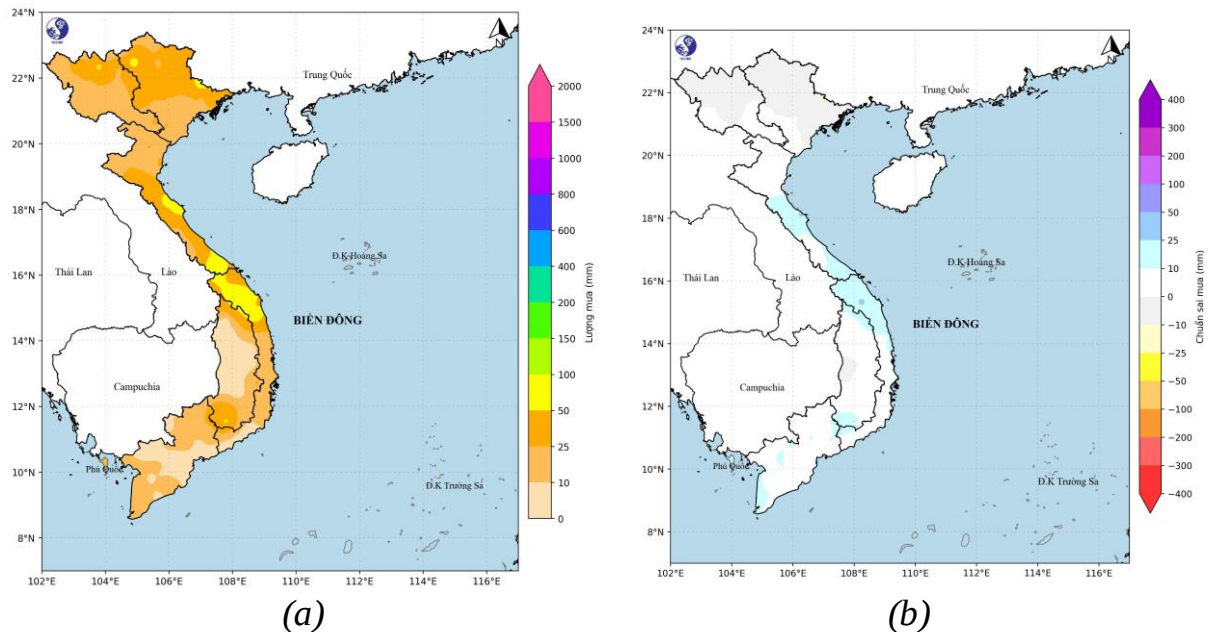
(a)

(b)

Hình 2: (a) Nhiệt độ TBNN ($^{\circ}\text{C}$) tháng 02; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 02/2026

Trên phạm vi cả nước NĐTĐ phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ, riêng khu vực Bắc Bộ cao hơn từ 0,5-1,0°C so với TBNN, có nơi cao hơn 1,5°C (Hình 2b).

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa



Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN tháng 02; (b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 02/2026

Trong thời kỳ tháng 02/2026, TLM tại các khu vực Quảng Bình đến Quảng Ngãi, phía Bắc ven biển Duyên hải Nam Trung Bộ, phía Nam Cao Nguyên Trung Bộ và Nam Bộ phổ biến cao hơn TBNN từ 5-20mm, có nơi cao hơn. Các khu vực khác phổ biến xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ (Hình 3b).

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ **Bão/ATNĐ:** Trong tháng 02/2026, trên khu vực Biển Đông ít có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ (TBNN: Trên Biển Đông là 0,1 cơn, đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0 cơn).

+ **Không khí lạnh, rét đậm-rét hại (RĐ-RH):** KKL có khả năng hoạt động yếu hơn so với TBNN, tuy nhiên vẫn xảy ra hiện tượng RĐ-RH ngắn ngày tại khu vực Bắc Bộ và các tỉnh Thanh Hóa-Nghệ An, có thể kèm theo hiện tượng băng giá ở khu vực vùng núi cao.

+ **Mưa diện rộng:** Trong thời kỳ dự báo, tại các khu vực Hà Tĩnh-Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ có khả năng xảy ra một số đợt mưa diện rộng. Khu vực Nam Bộ có thể xuất hiện một số ngày có mưa trái mùa.

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có khả năng xuất hiện cục bộ.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Các đợt KKL gây gió mạnh, sóng lớn trên biển và ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Ngoài ra, cần đề phòng khả năng xảy ra hiện tượng RĐ- RH gây nhiệt độ thấp nhất giảm mạnh, đặc biệt tại các khu vực vùng núi cao phía bắc có khả năng kèm theo hiện tượng băng giá và sương mù...

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, lượng mưa tháng 02/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/02		Thời kỳ 11-20/02		Thời kỳ 21-28/02		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,5-18,5	< 5	18,5-19,5	5-10	18,5-19,5	5-15	18,5-19,5	15-30
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,5-19,5	< 5	19,0-20,0	5-15	20,5-21,5	5-15	19,5-20,5	15-30
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	15,5-16,5	5-10	16,0-17,0	5-15	16,0-17,0	5-15	16,0-17,0	15-30
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,5-19,5	5-10	19,0-20,0	5-15	19,0-20,0	10-20	19,0-20,0	20-40
Hải Phòng-Tp, Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,0-19,0	< 5	18,5-19,5	5-15	18,0-19,0	5-15	18,0-19,0	15-30
Hà Đông-Tp, Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,5-19,5	5-10	19,0-20,0	5-10	19,0-20,0	5-15	19,0-20,0	15-30
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	19,0-20,0	5-15	19,5-20,5	5-15	19,5-20,5	10-20	19,5-20,5	20-50
Huế-Tp, Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	20,5-21,5	20-40	21,0-22,0	15-30	21,0-22,0	10-20	21,0-22,0	40-80
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	21,5-22,5	< 5	22,5-23,5	< 5	23,0-24,0	<5	22,5-23,5	5-15
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	10-20	24,0-25,0	5-15	24,5-25,5	5-15	24,0-25,0	20-50

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/02		Thời kỳ 11-20/02		Thời kỳ 21-28/02		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	24,0-25,0	5-15	24,5-25,5	< 5	25,0-26,0	5-15	24,5-25,5	15-30
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	21,5-22,5	< 5	22,5-23,5	< 5	22,5-23,5	<5	22,5-23,5	5-15
Nhà Bè-Tp, Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	26,0-27,0	< 5	26,5-27,5	< 5	27,5-28,5	5-10	26,5-27,5	10-20
Cần Thơ-Tp, Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	25,5-26,5	< 5	26,0-27,0	< 5	26,5-27,5	<5	26,0-27,0	5-15

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 1 – Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 12h00 ngày 11/02/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 01/02/2026./.

Soát tin: Nguyễn Thanh Hoa

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ),
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ),
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp, Huế,
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp, Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp, Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp, Cần Thơ, An Giang, Cà Mau,

Bảng 2: Nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối ngày tháng 01/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 01	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Phan Rí (Lâm Đồng)	15,7	2018	15,3	09/01/2026
2	Biên Hòa (Đồng Nai)	16,9	2016	16,6	09/01/2026
3	Tà Lài (Đồng Nai)	14,2	2018	13,9	10/01/2026
4	Nhà Bè (TP Hồ Chí Minh)	18,0	2016	17,8	09/01/2026
5	Trà Nóc (Cần Thơ)	18,8	2015	18,6	10/01/2026
6	Vĩnh Long (Vĩnh Long)	18,9	2025	18,7	10/01/2026